

Số: /2022/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi Chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022 và thay thế Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan Đảng, MTTP, đoàn thể;
- Hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Các sở, ban, ngành, ĐVSN thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cty TNHH MTV Xổ số KT tỉnh ST;
- Cty Lâm nghiệp tỉnh ST;
- Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn
- Lưu: TH, KT, VX, QT, NC, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

Quy định thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi Chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp quản lý tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan hành chính nhà nước, gồm: các sở và cơ quan tương đương sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban ngành); các tổ chức hành chính thuộc sở, ban ngành (gồm: phòng, chi cục, ban và các tổ chức hành chính tương đương khác thuộc các sở và cơ quan tương đương sở); các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là các phòng cấp huyện).

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thuộc sở, ban ngành; thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; thuộc tổ chức hành chính thuộc sở, ban ngành; thuộc các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và giao số lượng người làm việc.

c) Các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý về tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng, quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Việc thực hiện quản lý về tổ chức, biên chế phải đảm bảo theo đúng quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Nghị định của Chính phủ, các văn bản có liên quan.

Điều 3. Phân cấp trách nhiệm

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc quản lý biên chế thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế.

3. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và giao biên chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, lãnh đạo hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý tổ chức, biên chế thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

Trong phạm vi trách nhiệm quản lý, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và giao biên chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể ủy quyền cho các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (các tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân, trừ đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn) thực hiện một số nội dung về công tác quản lý tổ chức, biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính thuộc tổ chức hành chính thuộc sở, ban ngành, trực thuộc sở, ban ngành và tương đương, trực thuộc các phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp trong quản lý tổ chức, biên chế theo nội dung phân cấp này.

Chương II

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TỔ CHỨC

Điều 4. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính thuộc sở, ban ngành; các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.
3. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.
4. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ban ngành, chi cục và tương đương, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án theo Đề án được phê duyệt.
6. Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn bộ quản lý ngành, lĩnh vực.
7. Quyết định cụ thể số lượng cấp phó của người đứng đầu của sở, ban ngành.
8. Quyết định phê duyệt điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; phê duyệt phương án cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật.
9. Thực hiện một số thẩm quyền và trách nhiệm khác theo quy định pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.
2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban ngành và tổ chức hành chính khác theo quy định của pháp luật.
3. Quyết định số lượng cấp phó của cơ quan, đơn vị thuộc Sở, ban ngành.
4. Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và các đơn vị sự nghiệp công lập khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định pháp luật.

5. Quyết định xếp hạng các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thuộc sở, ban ngành, thuộc tổ chức hành chính thuộc sở, ban ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thuộc phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Bộ, ngành Trung ương và luật chuyên ngành.

6. Thực hiện một số thẩm quyền và trách nhiệm khác theo quy định pháp luật.

Điều 6. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

3. Thẩm định nội dung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Thẩm định đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của bộ, ngành trung ương và luật chuyên ngành.

4. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp trình Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Thẩm định việc thành lập, kiện toàn, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện một số thẩm quyền và trách nhiệm khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định pháp luật.

Điều 7. Thẩm quyền của Thủ trưởng sở, ban ngành

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị mình.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Thực hiện một số thẩm quyền và trách nhiệm khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định pháp luật.

Điều 8. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề án thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Quyết định cụ thể số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng cấp huyện.

6. Thực hiện một số thẩm quyền và trách nhiệm khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định pháp luật.

Điều 9. Thẩm quyền của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo Đề án tự chủ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị không thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện,

tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; xây dựng phương án sắp xếp lại các đơn vị cấu thành trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;

3. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức trực thuộc theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Ban hành hoặc dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện một số thẩm quyền và trách nhiệm khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định pháp luật.

Chương III

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG, CHỈ TIÊU NGƯỜI LÀM VIỆC

Điều 10. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Xây dựng Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức (trong tổng biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao), phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý (sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền), phê duyệt chỉ tiêu người làm việc trong các hội có tính chất đặc thù và tổ chức thực hiện sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

3. Quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

4. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc đối với các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, chỉ tiêu người làm việc trong các hội có tính chất đặc thù.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, chỉ tiêu người làm việc trong các hội có tính chất đặc thù, thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thẩm quyền của Sở Nội vụ

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập, chỉ tiêu người làm việc tại hội đặc thù, thực hiện nhiệm vụ sau:

1. Thẩm định, tổng hợp lập kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, chỉ tiêu người làm việc tại hội đặc thù trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hướng dẫn các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh lập kế hoạch biên chế hàng năm gửi Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh theo quy định.

4. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra đối với việc chấp hành các quy định của pháp luật về việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc tại các sở, ban ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; việc quản lý, chỉ tiêu người làm việc tại các hội đặc thù và đề xuất xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 12. Thẩm quyền của Thủ trưởng sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và giao biên chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, lãnh đạo hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh

1. Quản lý biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quản lý

a) Tổ chức triển khai chỉ tiêu biên chế công chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm hiệu quả; quyết định phân bổ biên chế công chức cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền quản lý.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc lập kế hoạch biên chế công chức theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền quản lý biên chế công chức.

c) Chịu trách nhiệm thẩm định kế hoạch biên chế công chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc; tổng hợp, xây dựng kế hoạch biên chế công chức hàng năm của cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

d) Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo về tình hình thực hiện và quản lý biên chế công chức tại cơ quan, đơn vị cho cơ quan có thẩm quyền quản lý biên chế công chức.

2. Quản lý số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định số lượng người làm việc bảo đảm sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng tài chính của đơn vị theo quy định.

b) Trên cơ sở số lượng người làm việc được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, quyết định phân bổ số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, tổng hợp, báo cáo về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

3. Quản lý chỉ tiêu người làm việc tại các hội có tính chất đặc thù

a) Hướng dẫn các hội có tính chất đặc thù xác định chỉ tiêu người làm việc bảo đảm sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng tài chính của đơn vị theo quy định.

b) Trên cơ sở chỉ tiêu người làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh giao, quyết định phân bổ chỉ tiêu người làm việc tại các hội có tính chất đặc thù.

c) Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, tổng hợp, báo cáo về chỉ tiêu người làm việc tại các hội có tính chất đặc thù.

Điều 13. Đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện cơ chế tự chủ

Đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án vị trí việc làm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đề xuất số lượng người làm việc của đơn vị trình cơ quan có thẩm quyền quyết định (trừ đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự quyết định số lượng người làm việc đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng tài chính của đơn vị). Chịu trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý số lượng người làm việc trong đơn vị về cơ quan, cấp có thẩm quyền quản lý.

Chương IV

TỔ CHỨC HỘI, QUỸ, TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ TRONG NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

Điều 14. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

Cho phép hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh đặt văn phòng đại diện hoạt động tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, trong huyện theo quy định của pháp luật. Cho phép hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, trong huyện nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã; Cho phép Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

Điều 16. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Thẩm định trình Chủ tịch ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, trong huyện theo quy định.

2. Xem xét, cho phép Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, trong huyện tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường theo quy định.

3. Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã theo quy định.

4. Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập, hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã theo quy định.

5. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép hội có phạm vi hoạt động cả nước, hội có phạm vi hoạt động liên tỉnh đặt văn phòng đại diện của hội ở địa phương theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hội, quỹ đối với các hội, quỹ có phạm vi hoạt động tại địa phương. Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về hội, quỹ.

Điều 17. Thẩm quyền của Thủ trưởng sở, ban ngành

Quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động thuộc thẩm quyền của Sở, ban ngành quản lý. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hội và các tổ chức phi Chính phủ thuộc các lĩnh vực quản lý của Sở, ban ngành theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện.

Điều 19. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể; đổi tên và phê duyệt điều lệ và tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã; Các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã thuộc lĩnh vực hội dự kiến hoạt động.

2. Quyết định cho phép hội có phạm vi hoạt động trong xã nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý về hội, về quỹ thông qua Sở Nội vụ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của Thủ trưởng các sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các hội đặc thù cấp tỉnh; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định hiện hành./.